



**Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán
Ngân hàng Đông Á**

Báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số

4104000059

ngày 15 tháng 5 năm 2003

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Hoạt động
Kinh doanh Chứng khoán số

12/GPHĐKD

ngày 20 tháng 5 năm 2003

316/QĐ-UBCK

ngày 16 tháng 5 năm 2007

128/UBCK-GP

ngày 12 tháng 5 năm 2008

06/GPĐC-UBCK

ngày 22 tháng 1 năm 2015

59/GPĐC-UBCK

ngày 31 tháng 12 năm 2015

20/GPĐC-UBCK

ngày 7 tháng 7 năm 2016

Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Quốc Toàn

Chủ tịch

Ông Ngô Anh

Thành viên

Ông Lương Ngọc Quý

Thành viên

Ông Bùi Việt

Thành viên

(đến ngày 4 tháng 4 năm 2016)

Người đại diện
theo pháp luật

Ông Bùi Việt

Tổng Giám đốc

(đến ngày 2 tháng 1 năm 2016)

Ông Tô Hiếu Thuận

Tổng Giám đốc

(từ ngày 2 tháng 1 năm 2016

đến ngày 31 tháng 3 năm 2016)

Ông Nguyễn Quốc Toàn

Chủ tịch Hội đồng Thành viên

(Từ ngày 27 tháng 5 năm 2016 theo

Quyết định số 134/QĐ-DAB-HĐQT

ngày 27/5/2016 của Ngân hàng

TMCP Đông Á về việc ban hành Điều

lệ tổ chức và hoạt động Công ty và

Giấy phép điều chỉnh số 20/GPĐC-

UBCK ngày 07/7/2016 của Ủy ban

Chứng khoán Nhà nước)

Ông Nguyễn Quốc Toàn – Chủ tịch Hội đồng Thành viên đã ủy quyền cho Bà Trương Nguyễn Thiên Kim – Phó Tổng Giám đốc phê duyệt và ký Báo cáo Tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và Báo cáo Tỷ lệ An toàn Tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Quyết định ủy quyền số 17/2017/QĐ-HĐTV/DAS ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chủ tịch Hội đồng Thành viên.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Tô Hiếu Thuận Ông Bùi Việt Bà Trương Nguyễn Thiên Kim Ông Trần Minh Trung	Tổng Giám đốc (từ ngày 2 tháng 1 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2016) Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 1 năm 2016) Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 3 năm 2017)
Phòng Tài chính – Kế toán	Ông Nguyễn Duy An Bà Võ Thị Minh Ngân Bà Nguyễn Thị Ngọc Duyên	Kế toán trưởng (từ ngày 15 tháng 3 năm 2017) Kế toán trưởng (đến ngày 24 tháng 5 năm 2016) Trưởng phòng Tài chính - Kế toán (đến ngày 25 tháng 3 năm 2017)
Ban Kiểm soát	Ông Trần Quang Nghĩa	Trưởng ban
Trụ sở đăng ký		
Trụ sở chính	468 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Chi nhánh Sài Gòn	60 – 70 Nguyễn Công Trứ, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Chi nhánh Hà Nội	181 Nguyễn Lương Bằng, Quận Đống Đa Thành phố Hà Nội Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- Báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 7 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu chưa hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Bà Trương Nguyễn Thiên Kim
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Chủ sở hữu

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (“Công ty”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 7 đến 64.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang ghi nhận một khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á Châu (“ACF”) với nguyên giá là 30.860.999.556 VND (31/12/2015: 30.860.999.556 VND) và đã trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư này với số tiền là 30.860.999.556 VND (31/12/2015: 12.431.157.416 VND). Dựa trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, ACF đang có khoản lỗ lũy kế là 479.700.086.279 VND và vốn chủ sở hữu âm 107.487.077.682 VND. Do đó, toàn bộ giá trị khoản đầu tư của Công ty vào ACF có thể đã bị tổn thất và khoản dự phòng cần phải trích lập thêm là 18.429.842.140 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Đây là nội dung ngoại trừ được đưa ra bởi kiểm toán viên tiền nhiệm trong báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Trong năm 2016, Công ty đã trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán với số tiền là 18.429.842.140 VND cho khoản đầu tư vào ACF. Nếu Công ty trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá chứng khoán theo tình hình tài chính của ACF trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 thì lỗ lũy kế chưa hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp chưa hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày sẽ tăng thêm là 18.429.842.140 VND, đồng thời lỗ kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp chưa hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vốn chủ sở hữu chưa hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm đi bằng đúng số tiền này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến:

- (i) Thuyết minh số 8, của báo cáo tài chính riêng, theo quy định tại Khoản 3, Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC, công ty chứng khoán không được sử dụng quá 70% vốn chủ sở hữu để góp vốn đầu tư vào các tổ chức khác, trong đó đầu tư vào các công ty chưa niêm yết không được vượt quá 20% vốn chủ sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tỷ lệ đầu tư vào các tổ chức khác và công ty chưa niêm yết của Công ty lần lượt là 91% (31/12/2015: 101%) và 81% (31/12/2015: 86%), vượt quá tỷ lệ giới hạn theo các quy định hiện hành. Việc vượt tỷ lệ đầu tư tối đa theo quy định chủ yếu do các khoản đầu tư được thực hiện từ các năm trước. Công ty đã có văn bản giải trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này và đang thực hiện các biện pháp nhằm giảm tỷ lệ đầu tư về đúng mức quy định. Ảnh hưởng của vấn đề này đối với báo cáo tài chính riêng của Công ty là chưa xác định được một cách chắc chắn.



- (ii) Thuyết minh số 10, của báo cáo tài chính riêng mô tả khoản phải thu với số tiền là 20.890.401.501 VND liên quan đến các sai phạm của các nhân viên của Công ty. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, việc các sai phạm này có phải là hành vi không tuân thủ pháp luật của Công ty hay không chứa đựng yếu tố không chắc chắn đáng kể.
- (iii) Thuyết minh số 1 của báo cáo tài chính riêng đề cập tới việc Công ty có một công ty con là Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á. Ngày 23 tháng 1 năm 2015, theo Quyết định số 59/QĐ-UBCK, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt việc tạm ngừng hoạt động của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á từ ngày 23 tháng 1 năm 2015 đến ngày 23 tháng 1 năm 2016. Ngày 5 tháng 5 năm 2016, theo Quyết định số 451/QĐ-UBCK, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt việc tạm ngừng hoạt động của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á từ ngày 23 tháng 1 năm 2016 đến ngày 23 tháng 1 năm 2017. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã nộp hồ sơ đề nghị khôi phục hoạt động Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt. Khả năng khôi phục hoạt động bình thường của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á chứa đựng yếu tố không chắc chắn đáng kể.

Các vấn đề cần nhấn mạnh trên không liên quan đến việc chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

Vấn đề khác

- Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến vấn đề trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào ACF được đề cập ở trên và nêu một số vấn đề cần nhấn mạnh và một vấn đề khác trong báo cáo kiểm toán ngày 3 tháng 3 năm 2016.
- Tại ngày lập báo cáo này, chúng tôi chưa được bổ nhiệm để kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-157/1



Trần Đình Vinh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0339-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2014-007-1

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã phân loại lại và điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		146.567.351.405	129.950.234.863
I. Tài sản tài chính	110		145.834.631.577	129.222.565.543
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111		108.427.711.675	52.825.049.298
1.1. Tiền	111.1	6	3.027.711.675	8.825.049.298
1.2. Các khoản tương đương tiền	111.2		105.400.000.000	44.000.000.000
2. Các tài sản tài chính (“TSTC”) nắm giữ cho mục đích kinh doanh	112	8	15.526.081.158	23.750.003.625
4. Các khoản cho vay	114	8	2.203.115.000	48.507.095.578
7. Các khoản phải thu	117	9	15.970.333.333	16.748.650.000
7.1. Phải thu từ bán các TSTC	117.1		15.252.400.000	16.748.650.000
7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các TSTC	117.2		717.933.333	-
7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		717.933.333	-
8. Trả trước cho người bán	118		158.450.000	88.550.000
9. Phải thu các dịch vụ cung cấp	119	10	22.737.318.254	2.496.221.106
12. Các khoản phải thu khác	122	11	31.664.022.157	31.659.395.936
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	12	(50.852.400.000)	(46.852.400.000)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		732.719.828	727.669.320
1. Tạm ứng	131		67.112.200	6.980.000
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		196.669.399	241.751.091
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		8.500.000	18.500.000
6. Thuế phải thu Nhà nước	136		460.438.229	460.438.229

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã phân loại lại và điều chỉnh lại
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250)	200		72.335.153.055	92.308.525.102
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		61.068.260.188	81.782.640.916
2. Các khoản đầu tư	212		180.859.816.756	181.910.316.756
2.2. Đầu tư vào công ty con	212.2	13	30.000.000.000	30.000.000.000
2.4. Đầu tư dài hạn khác	212.4	14	150.859.816.756	151.910.316.756
3. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính dài hạn	213		(119.791.556.568)	(100.127.675.840)
II. Tài sản cố định	220		679.785.891	1.233.829.591
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	72.788.891	98.724.591
- Nguyên giá	222		14.024.415.098	13.969.657.098
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(13.951.626.207)	(13.870.932.507)
3. Tài sản cố định vô hình	227	16	606.997.000	1.135.105.000
- Nguyên giá	228		15.023.019.704	14.916.019.704
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(14.416.022.704)	(13.780.914.704)
V. Tài sản dài hạn khác	250		10.587.106.976	9.292.054.595
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		75.685.233	77.661.798
4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	17	10.511.421.743	9.214.392.797
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		218.902.504.460	222.258.759.965

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã phân loại lại và điều chỉnh lại
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		6.909.165.630	21.085.519.096
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		6.909.165.630	21.085.519.096
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	19	203.311.713	1.223.388.701
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	20	105.006.773	105.006.773
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	21	1.956.162.000	1.963.662.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	22	1.142.117.484	1.025.904.106
11. Phải trả người lao động	323	23	1.923.059.780	1.504.721.564
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		272.768.749	179.667.103
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325		162.684.000	30.164.000
17. Các khoản phải trả khác	329	24	1.079.997.609	14.659.098.586
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		64.057.522	393.906.263
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		211.993.338.830	201.173.240.869
I. Vốn chủ sở hữu	410		211.993.338.830	201.173.240.869
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	25	500.000.000.000	500.000.000.000
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		8.902.712.767	8.902.712.767
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		8.902.712.768	8.902.712.768
6. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		11.770.434.156	11.770.434.156
7. Lỗi lũy kế	417		(317.582.520.861)	(328.402.618.822)
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		218.902.504.460	222.258.759.965

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã phân loại lại và điều chỉnh lại		
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT						
8.		TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (“TTLKCK”) của Công ty	008	18(a)	31.614.790.000	33.846.770.000
9.		TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Công ty	009	18(b)	10.000	10.000
12.		TSTC chưa lưu ký tại TTLKCK của Công ty	012	18(c)	76.367.800.000	76.167.670.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG						
1.		TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Nhà đầu tư	021	18(d)	2.016.953.730.000	2.234.540.460.000
a.		<i>TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>		<i>021.1</i>	<i>1.775.148.830.000</i>	<i>2.042.256.550.000</i>
c.		<i>TSTC giao dịch cầm cố</i>		<i>021.3</i>	<i>222.404.600.000</i>	<i>99.284.600.000</i>
d.		<i>TSTC phong tỏa, tạm giữ</i>		<i>021.4</i>	<i>13.327.500.000</i>	<i>54.998.260.000</i>
e.		<i>TSTC chờ thanh toán</i>		<i>021.5</i>	<i>6.072.800.000</i>	<i>38.001.050.000</i>
2.		TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	18(e)	9.336.970.000	17.097.200.000
a.		<i>TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>		<i>022.1</i>	<i>8.953.150.000</i>	<i>17.006.270.000</i>
b.		<i>TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng</i>		<i>022.2</i>	<i>383.820.000</i>	<i>90.930.000</i>
7.		Tiền gửi của khách hàng	026		138.385.895.832	120.646.800.113
7.1.		Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	027		125.949.517.312	80.776.659.258

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND Đã phân loại lại và điều chỉnh lại
7.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		9.110.129.915	36.938.820.800
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	029		2.083.096	2.028.771
a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	029.1		1.000.000	1.000.000
b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	029.2		1.083.096	1.028.771
7.4. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030		3.324.165.509	2.929.291.284
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031		135.061.730.323	117.717.508.829
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.1		134.707.892.051	117.527.768.054
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2		353.838.272	189.740.775
12. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		3.324.165.509	2.929.291.284

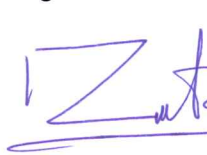
Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



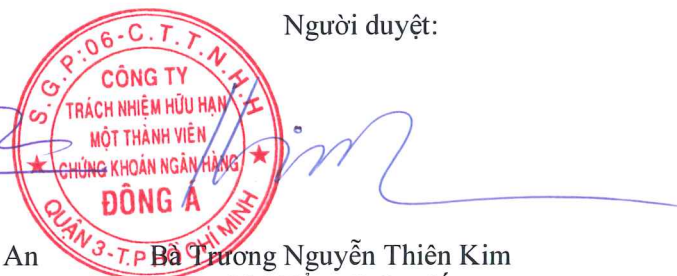
Bà Huỳnh Thị Thanh Trà
Kế toán tổng hợp

Người soát xét:



Ông Nguyễn Duy An
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bà Trương Nguyễn Thiên Kim
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo kết quả hoạt động riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B02 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã phân loại lại		
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG						
1.1.		Lãi từ các TSTC nắm giữ cho mục đích kinh doanh	01	35.457.345.267	13.339.549.717	
a.		Lãi bán các TSTC nắm giữ cho mục đích kinh doanh	01.1	26(a)	29.328.455.000	947.777.780
b.		Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC nắm giữ cho mục đích kinh doanh	01.2		331.371.840	10.202.698.843
c.		Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC nắm giữ cho mục đích kinh doanh	01.3	26(b)	5.797.518.427	2.189.073.094
1.3.		Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	26(c)	1.894.899.605	12.104.628.971
1.6.		Doanh thu môi giới chứng khoán	06		11.288.931.947	22.482.043.010
1.7.		Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		-	428.506.968
1.9.		Doanh thu lưu ký chứng khoán	09		1.161.288.663	1.649.127.521
1.10.		Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		6.379.751.184	8.806.339.922
1.11.		Thu nhập hoạt động khác	11		774.162.791	346.104.990
		Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 + 03 + 06 + 07 + 08 + 09 + 11)	20		56.956.379.457	59.156.301.099
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG						
2.1.		Lỗ từ các TSTC nắm giữ cho mục đích kinh doanh	21		660.871.307	47.948.438.727
a.		Lỗ bán các TSTC nắm giữ cho mục đích kinh doanh	21.1	27	251.507.000	47.948.438.727
b.		Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC nắm giữ cho mục đích kinh doanh	21.2		409.364.307	-
2.6.		Chi phí hoạt động tự doanh	26		549.690.878	697.878.401
2.7.		Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		8.662.820.883	13.493.561.078
2.10.		Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		1.573.670.631	1.803.854.220
2.11.		Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		3.144.532.377	5.988.921.360
2.12.		Chi phí khác	32		4.542.317.913	562.125.082
		Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 + 26 + 27 + 29 + 30 + 32)	40		19.133.903.989	70.494.778.868

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo kết quả hoạt động riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B02 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã phân loại lại		
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
3.2.		Doanh thu cổ tức, lãi tiền gửi	42	28	1.233.810.706	1.705.485.230
3.3.		Lãi bán các khoản đầu tư dài hạn khác	43		-	5.039.250.000
		Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 42 + 43)	50		1.233.810.706	6.744.735.230
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH						
4.4.		Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	54		19.663.880.728	31.472.000.900
		Cộng chi phí tài chính (60 = 54)	60		19.663.880.728	31.472.000.900
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ						
			62	29	8.569.307.485	46.188.313.099
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 62)						
			70		10.823.097.961	(82.254.056.538)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC						
8.1.		Thu nhập khác	71		-	727.272.727
8.2.		Chi phí khác	72		3.000.000	-
		Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	80		(3.000.000)	727.272.727
IX. LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)						
			90		10.820.097.961	(81.526.783.811)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo kết quả hoạt động riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B02 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	Thuyết minh	2016 VND	2015 VND Đã phân loại lại
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100	30	-	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	-
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
Cộng chi phí thuế TNDN			-	-
XI. LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		10.820.097.961	(81.526.783.811)

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Bà Huỳnh Thị Thanh Trà
 Kế toán tổng hợp

Người soát xét:



Ông Nguyễn Duy An
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bà Trương Nguyễn Thiên Kim
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu số B03a – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	2016 VND	2015 VND Đã phân loại và điều chỉnh lại
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01	(2.013.311.175.656)	(1.145.047.770.036)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02	2.098.585.791.234	1.213.537.126.870
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03	(756.344.391)	(1.419.145.162)
4. Cổ tức đã nhận	04	1.249.692.720	1.869.728.650
5. Tiền lãi đã thu	05	6.188.980.030	12.933.650.086
7. Tiền chi trả tổ chức cung cấp dịch vụ	07	(3.334.923.146)	(5.275.124.323)
8. Tiền chi trả cho người lao động	08	(12.701.768.244)	(16.659.078.986)
9. Tiền chi nộp thuế	09	(7.005.535.626)	(8.741.709.920)
10. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các TSTC	10	(27.251.517)	(697.878.401)
11. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11	20.305.350.974	32.707.719.098
12. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12	(34.456.327.101)	(45.850.345.537)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	54.736.489.277	37.357.172.339
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(161.758.000)	(60.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	727.272.727
3. Tiền chi đầu tư khác	23	-	(393.750.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư tài chính dài hạn khác	24	798.993.000	12.593.750.000
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	25	228.938.100	748.761.882
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	866.173.100	13.616.034.609
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30) (mang sang trang sau)	50	55.602.662.377	50.973.206.948

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B03a – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	2016 VND	2015 VND Đã phân loại và điều chỉnh lại
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30) (mang từ trang trước sang)		55.602.662.377	50.973.206.948
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		
Tiền	61	8.825.049.298	1.851.842.350
Các khoản tương đương tiền	62	44.000.000.000	-
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh số 6)	70		
Tiền	71	3.027.711.675	8.825.049.298
Các khoản tương đương tiền	72	105.400.000.000	44.000.000.000

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

	Mã số	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	1.291.642.477.600	7.033.965.215.000
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(857.694.444.800)	(6.514.571.788.900)
7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	2.014.956.250.531	4.571.242.189.035
8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(2.430.780.569.530)	(5.042.201.910.966)
9. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09	(779.492.307)	(834.836.637)
12. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12	82.216.504.407	2.929.291.284
13. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13	(81.821.630.182)	-
Giảm tiền thuần trong năm (mang sang trang sau)	20	17.739.095.719	50.528.158.816

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu số B03a – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

	Mã số	2016 VND	2015 VND Đã điều chỉnh lại
Giảm tiền thuần trong năm (mang từ trang trước sang)	20	17.739.095.719	50.528.158.816
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	120.646.800.113	70.118.641.297
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	32	80.776.659.258	27.571.820.738
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	33	2.028.771	2.028.771
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34	36.938.820.800	42.544.791.788
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	35	2.929.291.284	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	138.385.895.832	120.646.800.113
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	42	125.949.517.312	80.776.659.258
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	9.110.129.915	36.938.820.800
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44	2.083.096	2.028.771
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	45	3.324.165.509	2.929.291.284

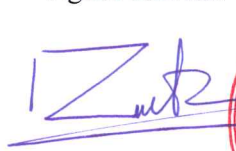
Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



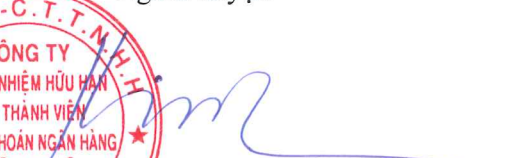
Bà Huỳnh Thị Thanh Trà
Kế toán tổng hợp

Người soát xét:



Ông Nguyễn Duy An
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Bà Trương Nguyễn Thiên Kim
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B04 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

	Số dư đầu năm		Số (giảm)/tăng		Số dư cuối năm	
	1/1/2015 VND	1/1/2016 VND	2015 VND	2016 VND	31/12/2015 VND	31/12/2016 VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu						
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-	500.000.000.000	500.000.000.000
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	8.902.712.767	8.902.712.767	-	-	8.902.712.767	8.902.712.767
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	8.902.712.768	8.902.712.768	-	-	8.902.712.768	8.902.712.768
7. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.770.434.156	11.770.434.156	-	-	11.770.434.156	11.770.434.156
Quỹ đầu tư phát triển	3.139.071.388	3.139.071.388	-	-	3.139.071.388	3.139.071.388
Quỹ đào tạo	8.631.362.768	8.631.362.768	-	-	8.631.362.768	8.631.362.768
8. Lỗ lũy kế	(246.875.835.011)	(328.402.618.822)	(81.526.783.811)	10.820.097.961	(328.402.618.822)	(317.582.520.861)
II. Thu nhập toàn diện khác	-	-	-	-	-	-
TỔNG	282.700.024.680	201.173.240.869	(81.526.783.811)	10.820.097.961	201.173.240.869	211.993.338.830

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Bà Huỳnh Thị Thanh Trà
 Kế toán tổng hợp

Người soát xét:



Ông Nguyễn Duy An
 Kế toán trưởng



Bà Trương Nguyễn Thiên Kim
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104000059. Trụ sở chính của công ty đặt tại 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Điều lệ hoạt động của Công ty được ban hành lần đầu vào năm 2003 và được thay thế nhiều lần, lần thay thế gần nhất vào ngày 27 tháng 5 năm 2016. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 12/GPHĐKD ngày 20 tháng 5 năm 2003 và các giấy phép điều chỉnh tiếp theo.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký và quản lý sổ cổ đông, tư vấn đầu tư chứng khoán.

Từ ngày 15 tháng 12 năm 2015, Công ty đã ngừng hoạt động cho vay ký quỹ do không đáp ứng điều kiện giao dịch ký quỹ được quy định theo Quyết định số 637/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho rút nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo Quyết định số 59/GPĐC-UBCK.

(c) Cấu trúc Công ty

Công ty là công ty con 100% vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (“Ngân hàng mẹ”), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 1 tháng 1 năm 2016, Công ty có một công ty con như sau:

STT	Tên công ty	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực hoạt động chính	Tỷ lệ % sở hữu của Công ty	
				31/12/2016	1/1/2016
1	Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á	Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 20/UBCK-GP ngày 24 tháng 9 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.	Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.	100%	100%

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

Ngày 6 tháng 5 năm 2014 và ngày 5 tháng 8 năm 2014, Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Đông Á (“DAC”) - công ty con đã gửi các tờ trình về việc xin tạm ngừng hoạt động cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 23 tháng 1 năm 2015, theo Quyết định số 59/QĐ-UBCK và Công văn số 344/UBCK-QLQ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt việc tạm ngừng hoạt động của Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Đông Á từ ngày 23 tháng 1 năm 2015 đến ngày 23 tháng 1 năm 2016. Ngày 5 tháng 5 năm 2016, theo Quyết định số 451/QĐ-UBCK, DAC được gia hạn thời gian tạm ngừng hoạt động đến ngày 23 tháng 1 năm 2017. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã nộp hồ sơ đề nghị khôi phục hoạt động của DAC cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt. Khả năng khôi phục hoạt động bình thường của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á chưa đưng yếu tố không chắn chắn đáng kể.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 69 nhân viên (1/1/2016: 77 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC (“Thông tư 334”) ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cùng với báo cáo tài chính riêng này, Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

3. Áp dụng các hướng dẫn Kế toán mới và các quy định chưa áp dụng

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 và thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 (“Thông tư 95”) của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 95.

Ngày 27 tháng 12 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210.

Theo đó, báo cáo tài chính riêng của Công ty có một số thay đổi như sau:

- Báo cáo tài chính riêng của Công ty có một số thay đổi theo mẫu biểu mới của Thông tư 334. Đồng thời, các số liệu so sánh của năm/kỳ trước đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại (Thuyết minh số 33 - Số liệu so sánh);
- Chính sách kế toán về tài sản và nợ phải trả tài chính (Thuyết minh số 4(b)); và
- Chính sách kế toán về tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh số 4(c)).

Những thay đổi chính sách kế toán trên được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2016.

Hơn nữa, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2017, theo quy định của các thông tư nêu trên, Công ty sẽ phải áp dụng phương pháp kế toán theo giá trị hợp lý cho một số công cụ tài chính và thuyết minh về cơ sở xác định giá trị hợp lý của các khoản mục này. Công ty chưa xác định ảnh hưởng của việc áp dụng phương pháp kế toán theo giá trị hợp lý cho một số công cụ tài chính đối với báo cáo tài chính riêng của Công ty từ năm 2017 trở đi.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

(b) Tài sản và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính riêng khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC nắm giữ cho mục đích kinh doanh: Xem các chính sách kế toán 4(d);
- Các khoản cho vay: Xem các chính sách kế toán 4(e).

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận một khoản nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cản trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cản trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cản trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(v) Dự phòng TSTC

Đối với các khoản đầu tư, nếu tại cuối kỳ kế toán, giá trị thị trường thấp hơn giá gốc, Công ty sẽ trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán cho các khoản đầu tư đó.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom), giá thị trường là giá đóng cửa của thị trường UpCom tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung (“thị trường OTC”), giá thị trường là giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán được cung cấp bởi 3 công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày lập báo cáo. Trong trường hợp giá trị thị trường không thể xác định được một cách đáng tin cậy, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết là các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường UpCom và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 (“Thông tư 89”) do Bộ Tài chính ban hành. Theo đó, dự phòng giảm giá được lập khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ trong kế hoạch, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế tại ngày lập báo cáo.

Đối với các khoản cho vay, Công ty trích lập dự phòng như trình bày trong Thuyết minh số 4(e).

Đối với các khoản phải thu, Công ty trích lập dự phòng phải thu khó đòi như trình bày trong Thuyết minh số 4(f).

Các khoản lỗ tổn thất do suy giảm giá trị của TSTC, các chi phí dự phòng giảm giá đầu tư và chi phí dự phòng cho các khoản vay được ghi nhận vào lãi/lỗ của Công ty.

Dự phòng do suy giảm giá trị đầu tư được hoàn nhập khi giá thị trường của chứng khoán tăng lên hoặc đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi chưa lập dự phòng.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2016

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty và tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2016

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được ghi nhận trong các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính riêng. Theo đó, số dư của khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 đã được điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định của Thông tư 210 (trình bày tại Thuyết minh số 6).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày lập báo cáo.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

(d) Các TSTC nắm giữ cho mục đích kinh doanh

TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các TSTC được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính riêng khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của TSTC này.

Các TSTC nắm giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế các TSTC (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc giá khớp lệnh tại các Sở giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua TSTC. Cuối kỳ kế toán, các TSTC nắm giữ cho mục đích kinh doanh được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC.

(e) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các TSTC với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường. Các khoản cho vay của Công ty bao gồm các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng.

Các khoản cho vay được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính riêng khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính này.

Các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi theo chính sách kế toán như trình bày tại Thuyết minh 4(f).

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ bán các TSTC, từ cung cấp dịch vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 228 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

(g) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không phải lập dự phòng.

(h) Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua, bao gồm chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng. Cuối kỳ kế toán, các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng suy giảm giá trị TSTC dài hạn. Dự phòng suy giảm giá trị TSTC dài hạn được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng suy giảm giá trị TSTC dài hạn được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không phải lập dự phòng.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(j) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 6 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận tải	3 – 6 năm
▪ thiết bị quản lý	2 – 6 năm
▪ tài sản cố định khác	3 – 4 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 8 năm.

(k) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Các quỹ dự trữ pháp định

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hàng năm theo quyết định của Hội đồng Thành viên.

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

Theo quy định, Công ty phải trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ hàng năm. Công ty chỉ trích lập các quỹ trên vào cuối năm tài chính. Theo Thông tư 146, Công ty không trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 do Công ty phải bù đắp lỗ các năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

(n) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ khác theo Điều lệ Công ty như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế	Không có
Quỹ đào tạo	5% lợi nhuận sau thuế	Không có

Tỷ lệ trích lập hàng năm đối với các quỹ khác này được quy định trong Điều lệ Công ty ban hành lần đầu. Điều lệ Công ty ban hành ngày 27 tháng 5 năm 2016 không quy định cụ thể tỷ lệ trích lập cũng như thời gian trích lập các quỹ khác này. Các quỹ khác này được phân loại là vốn chủ sở hữu.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

(o) *Vốn góp*

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(p) *Doanh thu và thu nhập*

(i) *Lãi/lỗ từ bán các tài sản tài chính*

Lãi/lỗ từ bán các TSTC được ghi nhận khi Công ty nhận được thông báo thanh toán cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) *Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính*

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch từ ngày không hưởng quyền.

Đối với cổ phiếu thưởng, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Doanh thu tiền lãi từ các TSTC được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) *Lãi từ các khoản cho vay và phải thu*

Lãi từ các khoản cho vay và phải thu được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) *Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

(v) *Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(vi) *Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán*

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản lỗ/lãi ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu hoặc thu nhập toàn diện khác.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan của Công ty bao gồm Ngân hàng mẹ, các công ty con và công ty liên kết của Ngân hàng mẹ này.

(t) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư 334 mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính riêng này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

5. Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản;
- rủi ro thị trường; và
- các rủi ro khác.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(b) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã thành lập Bộ phận Quản trị Rủi ro và Tuân thủ có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Bộ phận Quản trị Rủi ro và Tuân thủ báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Tổng Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Bộ phận Quản trị Rủi ro và Tuân thủ của Công ty được bộ phận Kiểm toán Nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Bộ phận Quản trị Rủi ro và Tuân thủ.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

(c) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu và cho vay khách hàng.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các TSTC và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	108.404.850.767	52.809.445.805
Các khoản cho vay	(iii)	2.203.115.000	48.507.095.578
Các khoản phải thu – gộp	(iii)	70.371.673.744	50.904.267.042
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	17	10.511.421.743	9.214.392.797
		191.491.061.254	161.435.201.222

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Theo quy định của pháp luật hiện hành, Công ty có thể cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng giao dịch ký quỹ hoặc hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng. Công ty tuân thủ theo quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ tại Quyết định số 637/QĐ-UBCK ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“Quyết định 637”) về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Từ ngày 15 tháng 12 năm 2015, Công ty đã ngừng hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ do không đáp ứng điều kiện giao dịch ký quỹ được quy định theo Quyết định 637.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

Số liệu thể hiện mức độ rủi ro tín dụng tối đa của Công ty, không tính đến tài sản đảm bảo hay hỗ trợ tín dụng, bao gồm:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá				Quá hạn trên 360 ngày VND	Tổng VND
	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá VND	Quá hạn từ 10 đến 90 ngày VND	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày VND	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày VND		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	108.404.850.767	-	-	-	-	108.404.850.767
Các khoản cho vay	2.203.115.000	-	-	-	-	2.203.115.000
Các khoản phải thu - góp	19.519.273.744	-	-	-	-	19.519.273.744
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	10.511.421.743	-	-	-	-	10.511.421.743
	140.638.661.254	-	-	-	-	140.638.661.254

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá				Quá hạn trên 360 ngày VND	Tổng VND
	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá VND	Quá hạn từ 10 đến 90 ngày VND	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày VND	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày VND		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	52.809.445.805	-	-	-	-	52.809.445.805
Các khoản cho vay	48.507.095.578	-	-	-	-	48.507.095.578
Các khoản phải thu - góp	4.051.867.042	-	-	-	-	4.051.867.042
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	9.214.392.797	-	-	-	-	9.214.392.797
	114.582.801.222	-	-	-	-	114.582.801.222

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

(d) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	203.311.713	203.311.713	203.311.713
Phải trả người bán ngắn hạn	105.006.773	105.006.773	105.006.773
Chi phí phải trả ngắn hạn	162.684.000	162.684.000	162.684.000
Các khoản phải trả khác	1.079.997.609	1.079.997.609	1.079.997.609
	1.551.000.095	1.551.000.095	1.551.000.095

Ngày 1 tháng 1 năm 2016	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.223.388.701	1.223.388.701	1.223.388.701
Phải trả người bán ngắn hạn	105.006.773	105.006.773	105.006.773
Chi phí phải trả ngắn hạn	30.164.000	30.164.000	30.164.000
Các khoản phải trả khác	14.659.098.586	14.659.098.586	14.659.098.586
	16.017.658.060	16.017.658.060	16.017.658.060

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn.

(e) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

(i) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Các khoản tương đương tiền	105.400.000.000	44.000.000.000
Các khoản cho vay	2.203.115.000	48.507.095.578
	107.603.115.000	92.507.095.578
<i>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</i>		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.004.850.767	8.809.445.805
	3.004.850.767	8.809.445.805

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm giảm hoặc tăng lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty là 30.048.508 VND (2015: 88.094.458 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi.

(ii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn nắm giữ cho mục đích kinh doanh do Công ty nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc của Công ty theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng lẻ và Ban Tổng Giám đốc phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Công ty là 6.955.200.840 VND (1/1/2016: 42.467.028.160 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 7% (31/12/2015: 10%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng 532.626.180 VND hoặc giảm 326.008.508 VND (2015: lỗ trước thuế sẽ giảm hoặc tăng 4.246.702.816 VND).

(iii) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro trong đó giá trị của các công cụ tài chính của Công ty sẽ bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không bị ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái do tài sản và nợ phải trả của Công ty chủ yếu bằng VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

(f) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính riêng, như sau:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là TSTC nắm giữ cho mục đích kinh doanh				
• Các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại niêm yết	6.525.909.980	6.955.200.840	30.265.701.950	42.467.028.160
• Các khoản đầu tư vào chứng khoán thương mại chưa niêm yết	9.000.171.178	(*)	9.281.357.255	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu				
• Tiền và các khoản tương đương tiền	108.427.711.675	108.427.711.675	52.825.049.298	52.825.049.298
• Các khoản cho vay	2.203.115.000	(*)	48.507.095.578	(*)
• Các khoản phải thu	15.970.333.333	(*)	16.748.650.000	(*)
• Phải thu các dịch vụ cung cấp	22.737.318.254	(*)	2.496.221.106	(*)
• Các khoản phải thu khác	31.664.022.157	(*)	31.659.395.936	(*)
• Tài sản ngắn hạn khác	75.612.200	(*)	25.480.000	(*)
• Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	10.511.421.743	(*)	9.214.392.797	(*)

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

	31/12/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là TSTC dài hạn				
• Đầu tư vào công ty con	24.053.264.733	(*) 22.902.737.274		(*)
• Đầu tư dài hạn khác	37.014.995.455	(*) 58.879.903.642		(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
• Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(203.311.713)	(*) (1.223.388.701)		(*)
• Phải trả người bán ngắn hạn	(105.006.773)	(*) (105.006.773)		(*)
• Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	(272.768.749)	(*) (179.667.103)		(*)
• Chi phí phải trả ngắn hạn	(162.684.000)	(*) (30.164.000)		(*)
• Các khoản phải trả khác	(1.079.997.609)	(*) (14.659.098.586)		(*)

Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết được xác định bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập báo cáo. Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM được xác định bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại ngày lập báo cáo. Chứng khoán thương mại chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC được xác định bằng cách tham khảo giá bình quân của các giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày lập báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này, ngoại trừ phương pháp xác định giá trị hợp lý nêu trên, và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

6. Tiền

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
		Đã điều chỉnh lại
Tiền mặt	22.860.908	15.603.493
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	3.002.941.571	8.802.100.906
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.909.196	5.770.575
Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	-	1.574.324
	<hr/>	
	3.027.711.675	8.825.049.298
	<hr/> <hr/>	

7. Giá trị và khối lượng các giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng các giao dịch thực hiện trong năm		Giá trị các giao dịch thực hiện trong năm	
	2016	2015	2016	2015
			VND	VND
a) Của Công ty				
Cổ phiếu	253.277	5.595.913	38.273.378.000	76.918.882.420
	253.277	5.595.913	38.273.378.000	76.918.882.420
b) Của nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	86.767.452	734.930.651	1.542.709.500.500	12.917.860.065.000
Chứng chỉ quỹ	-	22.560	-	206.177.000
	<hr/>			
	87.020.729	740.526.564	1.580.982.878.500	12.994.778.947.420
	<hr/> <hr/>			

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

8. Các loại tài sản tài chính

	31/12/2016				Giá trị dự phòng VND	1/1/2016	Mức trích lập/ (hoàn nhập) năm nay VND
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá thị trường VND	Giá trị ghi sổ VND			
Các TSTC nắm giữ cho mục đích kinh doanh							
Cổ phiếu niêm yết							
Công ty CP đầu tư Xây dựng Lương Tài (LUT)	1.647.450	20.343.280.000	5.107.095.000	5.107.095.000	15.236.185.000	15.565.675.000	(329.490.000)
Khác – Giá trị trường cao hơn giá sổ sách kỳ trước	74.096	1.057.413.870	1.481.426.210	1.052.135.350	5.278.520	6.863.160	(1.584.640)
Khác – Giá trị trường thấp hơn giá sổ sách kỳ trước	132.590	718.352.230	366.679.630	366.679.630	351.672.600	223.791.570	127.881.030
Cổ phiếu chưa niêm yết							
Công ty CP Đầu tư Vina (Vina Invest) (VNI)	250.000	7.750.000.000	(*)	2.668.070.044	5.081.929.956	5.081.929.956	-
Công ty CP Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh (HSI)	938.240	7.364.898.000	938.240.000	938.240.000	6.426.658.000	6.145.186.000	281.472.000
Khác – Giá trị trường cao hơn giá sổ sách kỳ trước	368.980	4.700.304.550	6.581.071.900	4.699.827.450	477.100	774.300	(297.200)
Khác – Giá trị trường thấp hơn giá sổ sách kỳ trước	12	19.877	7.400	8.400	11.477	200	11.277
Khác – Không có giá trị trường	86.094	1.164.800.731	(*)	694.025.284	470.775.447	470.775.447	-
	3.497.462	43.099.069.258		15.526.081.158	27.572.988.100	27.494.995.633	77.992.467

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

	31/12/2016		1/1/2016	Mức trích lập/ (hoàn nhập) năm nay VND
	Giá trị ghi số VND	Giá trị trường VND	Giá trị dự phòng VND	
Các khoản cho vay				
Ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	2.203.115.000	-	-	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị trường của các TSTC này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này. Công ty đã trích lập dự phòng cho các TSTC này theo chính sách kế toán như trình bày tại Thuyết minh 4(b)(v).

(**) Theo quy định tại Khoản 3, Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC, Công ty chứng khoán không được sử dụng quá 70% vốn chủ sở hữu để góp vốn đầu tư vào các tổ chức khác, trong đó đầu tư vào các công ty chưa niêm yết không được vượt quá 20% vốn chủ sở hữu. Tại 31 tháng 12 năm 2016, tỷ lệ đầu tư vào các tổ chức khác và công ty chưa niêm yết của Công ty lần lượt là 91% (1/1/2016: 101%) và 81% (1/1/2016: 86%), vượt quá tỷ lệ theo các quy định hiện hành. Việc vượt tỷ lệ đầu tư tối đa theo quy định chủ yếu do các khoản đầu tư được thực hiện từ các năm trước. Công ty đã có văn bản giải trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này và đang thực hiện các biện pháp nhằm giảm tỷ lệ đầu tư về đúng mức quy định.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

9. Các khoản phải thu

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu tiền bán các TSTC	15.252.400.000	16.748.650.000
<i>Trong đó, chi tiết về các khoản phải thu tiền bán các TSTC không có khả năng thu hồi:</i>		
<i>Lý Đỗ Nhã Phương</i>	<i>2.400.000.000</i>	<i>2.400.000.000</i>
<i>Hoàng Thị Duyên</i>	<i>5.252.400.000</i>	<i>5.252.400.000</i>
<i>Nguyễn Huy Dũng</i>	<i>4.300.000.000</i>	<i>4.300.000.000</i>
<i>Nguyễn Thị Bích Thủy</i>	<i>3.300.000.000</i>	<i>3.300.000.000</i>
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	717.933.333	-
	<hr/> 15.970.333.333	<hr/> 16.748.650.000

10. Phải thu các dịch vụ cung cấp

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán (i)	20.890.401.501	169.558.549
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	1.091.870.000	1.750.922.000
Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	655.880.088	493.528.436
Các khoản phải thu khác	99.166.665	82.212.121
	<hr/> 22.737.318.254	<hr/> 2.496.221.106

- (i) Đây là khoản phải thu các nhân viên của Công ty liên quan đến việc các nhân viên này đã không tuân thủ triệt để quy trình nghiệp vụ của Công ty trong quá trình thực hiện giao dịch và làm việc với khách hàng dẫn đến sai sót. Hiện tại, Công ty đang tích cực xem xét xác định rõ các sai sót trên và tăng cường kiểm soát tuân thủ trong tất cả các hoạt động.

Các khách hàng này chủ yếu mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Phát triển Đô thị được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã trích lập khoản dự phòng cho khoản phải thu này là 4 tỷ VND, dựa trên việc đánh giá khả năng thu hồi của các khoản này.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

11. Các khoản phải thu khác

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu khách hàng về đặt cọc mua chứng khoán chưa niêm yết	31.600.000.000	31.600.000.000
<i>Trong đó, các khoản phải thu không có khả năng thu hồi:</i>		
<i>Đặng Thị Kim Liên</i>	<i>16.300.000.000</i>	<i>16.300.000.000</i>
<i>Võ Văn Tâm</i>	<i>15.300.000.000</i>	<i>15.300.000.000</i>
Các khoản phải thu khác	64.022.157	59.395.936
	<hr/>	<hr/>
	31.664.022.157	31.659.395.936
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

12. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Giá trị phải thu khó đòi VND	Số đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Số cuối năm VND
Dự phòng khó đòi phải thu bán các TSTC	15.252.400.000	15.252.400.000	-	-	15.252.400.000
Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi	31.600.000.000	31.600.000.000	-	-	31.600.000.000
Dự phòng suy giảm giá trị phải thu khác	20.890.401.501	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000
	<u>67.742.801.501</u>	<u>46.852.400.000</u>	<u>4.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>50.852.400.000</u>

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	Giá trị phải thu khó đòi VND	Số đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Số cuối năm VND
Dự phòng khó đòi phải thu bán các TSTC	15.252.400.000	10.676.680.000	4.575.720.000	-	15.252.400.000
Dự phòng nợ phải thu khác khó đòi	31.600.000.000	-	31.600.000.000	-	31.600.000.000
	<u>46.852.400.000</u>	<u>10.676.680.000</u>	<u>36.175.720.000</u>	<u>-</u>	<u>46.852.400.000</u>

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

13. Đầu tư vào công ty con

	31/12/2016					1/1/2016								
	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	không áp dụng	100%	100%	30.000.000.000	5.946.735.267	(*)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	không áp dụng	100%	100%	30.000.000.000	7.097.262.726	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

14. Đầu tư dài hạn khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Kim khí Hưng Thịnh Phát	Hà Nội	1.285.700		Không áp dụng	33.140.516.000	33.140.516.000	(*)
Công ty CP Thương mại Thủy sản Á Châu	Đông Tháp	962.101	3%	Không áp dụng	30.860.999.556	30.860.999.556	(*)
Công ty CP An Tôn Nguyễn	TP. Hồ Chí Minh	1.000.000		Không áp dụng	23.000.000.000	23.000.000.000	(*)
Công ty CP Vật liệu Tụ dính Việt Nam	Bình Thuận	1.600.000	7%	Không áp dụng	16.000.000.000	16.000.000.000	(*)
Công ty CP Địa ốc Đông Á	TP. Hồ Chí Minh	1.210.000	4%	Không áp dụng	12.100.000.000	3.516.250.746	(*)
Công ty CP In và Thương mại Vina	TP. Hồ Chí Minh	308.400	10%	Không áp dụng	8.188.020.000	150.253.322	(*)
Công ty CP Sóng Việt	TP. Hồ Chí Minh	168.100	1%	Không áp dụng	8.183.300.000	-	(*)
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp Tam Quan Bình Định	TP. Hồ Chí Minh	150.000		Không áp dụng	3.990.000.000	3.990.000.000	(*)
Công ty CP Bất động sản DIC (DIC-Resco)	Vũng Tàu	126.000	11%	Không áp dụng	3.817.280.000	-	(*)
Công ty CP SX XNK Lâm sản - Tiêu thụ CN (Upexim)	TP. Hồ Chí Minh	225.000		Không áp dụng	2.873.475.000	2.873.475.000	(*)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bê Tông	Vũng Tàu	80.659	2%	Không áp dụng	2.403.638.200	-	(*)
Công ty CP Địa ốc 10	TP. Hồ Chí Minh	45.000	2%	Không áp dụng	2.241.000.000	-	(*)
Công ty CP Thương mại Quốc tế (ITC)	TP. Hồ Chí Minh	40.000	4%	Không áp dụng	1.600.000.000	-	(*)
Công ty CP Địa ốc 9	TP. Hồ Chí Minh	50.000	3%	Không áp dụng	1.415.011.000	-	(*)
Công ty CP Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (Petec)	TP. Hồ Chí Minh	49.837	0%	Không áp dụng	1.046.577.000	313.326.677	(*)
					150.859.816.756	113.844.821.301	

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016		Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty CP Kim khí Hưng Thịnh Phát		Hà Nội	1.285.700		Không áp dụng	33.140.516.000	33.140.516.000	(*)
Công ty CP Thương mại Thủy sản Á Châu		Đông Tháp	962.101	3%	Không áp dụng	30.860.999.556	12.431.157.416	(*)
Công ty CP An Tôn Nguyễn		TP. Hồ Chí Minh	1.000.000		Không áp dụng	23.000.000.000	23.000.000.000	(*)
Công ty CP Vật liệu Tự dính Việt Nam		Bình Thuận	1.600.000	7%	Không áp dụng	16.000.000.000	16.000.000.000	(*)
Công ty CP Địa ốc Đông Á		TP. Hồ Chí Minh	1.210.000	4%	Không áp dụng	12.100.000.000	1.131.684.699	(*)
Công ty CP In và Thương mại Vina		TP. Hồ Chí Minh	308.400	10%	Không áp dụng	8.188.020.000	150.253.322	(*)
Công ty CP Sóng Việt		TP. Hồ Chí Minh	168.100	1%	Không áp dụng	8.183.300.000	-	(*)
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp								
Tam Quan Bình Định		TP. Hồ Chí Minh	150.000		Không áp dụng	3.990.000.000	3.990.000.000	(*)
Công ty CP Bất động sản DIC (DIC-Resco)		Vũng Tàu	126.000	11%	Không áp dụng	3.817.280.000	-	(*)
Công ty CP SX XNK Lâm sản - Tiêu thụ CN (Upexim)		TP. Hồ Chí Minh	225.000		Không áp dụng	2.873.475.000	2.873.475.000	(*)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bé Tông		Vũng Tàu	80.659	2%	Không áp dụng	2.403.638.200	-	(*)
Công ty CP Địa ốc 10		TP. Hồ Chí Minh	45.000	2%	Không áp dụng	2.241.000.000	-	(*)
Công ty CP Thương mại Quốc tế (ITC)		TP. Hồ Chí Minh	40.000	4%	Không áp dụng	1.600.000.000	-	(*)
Công ty CP Địa ốc 9		TP. Hồ Chí Minh	50.000	3%	Không áp dụng	1.415.011.000	-	(*)
Công ty CP Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư (Petec)		TP. Hồ Chí Minh	49.837	0%	Không áp dụng	1.046.577.000	313.326.677	(*)
Công ty CP Phát triển SX Thương mại Sài Gòn		TP. Hồ Chí Minh	20.487	0%	Không áp dụng	1.050.500.000	-	(*)
						151.910.316.756	93.030.413.114	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

2016	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.325.552.000	745.181.746	2.414.382.721	9.085.082.059	399.458.572	13.969.657.098
Tăng trong năm	-	-	-	54.758.000	-	54.758.000
Số dư cuối năm	1.325.552.000	745.181.746	2.414.382.721	9.139.840.059	399.458.572	14.024.415.098
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.286.873.000	743.543.746	2.414.382.721	9.035.878.168	390.254.872	13.870.932.507
Khấu hao trong năm	35.736.000	1.638.000	-	34.116.000	9.203.700	80.693.700
Số dư cuối năm	1.322.609.000	745.181.746	2.414.382.721	9.069.994.168	399.458.572	13.951.626.207
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	38.679.000	1.638.000	-	49.203.891	9.203.700	98.724.591
Số dư cuối năm	2.943.000	-	-	69.845.891	-	72.788.891

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

15. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

2015	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm Thanh lý	1.325.552.000	745.181.746	4.160.802.434 (1.746.419.713)	9.085.082.059	399.458.572	15.716.076.811 (1.746.419.713)
Số dư cuối năm	1.325.552.000	745.181.746	2.414.382.721	9.085.082.059	399.458.572	13.969.657.098
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.251.137.000	711.292.381	4.160.802.434	8.980.490.668	362.582.872	15.466.305.355
Khấu hao trong năm Thanh lý	35.736.000	32.251.365	- (1.746.419.713)	55.387.500	27.672.000	151.046.865 (1.746.419.713)
Số dư cuối năm	1.286.873.000	743.543.746	2.414.382.721	9.035.878.168	390.254.872	13.870.932.507
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	74.415.000	33.889.365	-	104.591.391	36.875.700	249.771.456
Số dư cuối năm	38.679.000	1.638.000	-	49.203.891	9.203.700	98.724.591

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá là 13.720.160.207 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 13.191.082.272 VND).

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

16. Tài sản cố định vô hình

2016	Phần mềm kế toán và giao dịch chứng khoán VND	Phần mềm ứng dụng khác VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	8.296.938.944	6.619.080.760	14.916.019.704
Tăng trong năm	107.000.000	-	107.000.000
Số dư cuối năm	8.403.938.944	6.619.080.760	15.023.019.704
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.161.833.944	6.619.080.760	13.780.914.704
Khấu hao trong năm	635.108.000	-	635.108.000
Số dư cuối năm	7.796.941.944	6.619.080.760	14.416.022.704
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.135.105.000	-	1.135.105.000
Số dư cuối năm	606.997.000	-	606.997.000

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

16. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

2015	Phần mềm kế toán và giao dịch chứng khoán VND	Phần mềm ứng dụng khác VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	8.236.938.944	6.619.080.760	14.856.019.704
Mua trong năm	60.000.000	-	60.000.000
Số dư cuối năm	8.296.938.944	6.619.080.760	14.916.019.704
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.386.132.332	6.584.639.760	12.970.772.092
Khấu hao trong năm	775.701.612	34.441.000	810.142.612
Số dư cuối năm	7.161.833.944	6.619.080.760	13.780.914.704
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.850.806.612	34.441.000	1.885.247.612
Số dư cuối năm	1.135.105.000	-	1.135.105.000

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản cố nguyên giá là 11.946.019.704 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 11.806.019.704 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

17. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại TTLKCK.

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của TTLKCK, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại TTLKCK và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán được thanh toán qua Thành viên lưu ký của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của Công ty vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán là 20 tỷ đồng.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	9.214.392.797	7.795.247.635
Tiền nộp bổ sung trong năm	756.344.391	972.098.485
Tiền lãi trong năm	540.684.555	447.046.677
Số dư cuối năm	10.511.421.743	9.214.392.797

18. Các tài khoản ngoại bảng

(a) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Công ty

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số lượng	Mệnh giá VND	Số lượng	Mệnh giá VND
Trên 1 năm	3.161.478	31.614.780.000	3.384.677	33.846.770.000

(b) TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Công ty

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số lượng	Mệnh giá VND	Số lượng	Mệnh giá VND
Trên 1 năm	1	10.000	1	10.000

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

(c) TSTC chưa lưu ký tại TTLKCK của Công ty

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số lượng	Mệnh giá VND	Số lượng	Mệnh giá VND
Trên 1 năm	7.636.780	76.367.800.000	7.616.767	76.167.670.000

(d) TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại TTLKCK của Nhà đầu tư

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số lượng	Mệnh giá VND	Số lượng	Mệnh giá VND
TSTC tự do chuyển nhượng	177.514.883	1.775.148.830.000	204.225.655	2.042.256.550.000
TSTC giao dịch cầm cố	22.240.460	222.404.600.000	9.928.460	99.284.600.000
TSTC phong tỏa, tạm giữ	1.332.750	13.327.500.000	5.499.826	54.998.260.000
TSTC chờ thanh toán	607.280	6.072.800.000	3.800.105	38.001.050.000
	201.695.373	2.016.953.730.000	223.454.046	2.234.540.460.000

(e) TSTC đã lưu ký tại TTLKCK và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số lượng	Mệnh giá VND	Số lượng	Mệnh giá VND
TSTC tự do chuyển nhượng	895.315	8.953.150.000	1.700.627	17.006.270.000
TSTC hạn chế chuyển nhượng	38.382	383.820.000	9.093	90.930.000
	933.697	9.336.970.000	1.709.720	17.097.200.000

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

19. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán	113.707.990	246.392.685
Phải trả TTLKCK	89.007.223	167.299.516
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	596.500	809.696.500
	<hr/>	<hr/>
	203.311.713	1.223.388.701
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

20. Phải trả người bán

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty Phần mềm và Truyền thông VASC	42.200.000	42.200.000
Công ty TNHH Nội thất Mỹ Lai	13.609.715	13.609.715
Công ty TNHH Nội thất Sáng Tạo Việt	13.288.866	13.288.866
Các khoản phải trả người bán khác	35.908.192	35.908.192
	<hr/>	<hr/>
	105.006.773	105.006.773
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

21. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Văn Hóa Sài Gòn	210.000.000	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	1.746.162.000	1.963.662.000
	<hr/>	<hr/>
	1.956.162.000	1.963.662.000
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2016 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2016 VND
Thuế thu nhập cá nhân	700.829.096	6.508.983.641	(6.178.526.569)	1.031.286.168
Thuế giá trị gia tăng	325.075.010	607.765.363	(822.009.057)	110.831.316
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
	1.025.904.106	7.121.749.004	(7.005.535.626)	1.142.117.484

23. Phải trả người lao động

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Lương kinh doanh của bộ phận Ngân hàng đầu tư	1.064.560.949	1.504.721.564
Lương tháng 13	573.967.435	-
Lương và phụ cấp khác	284.531.396	-
	1.923.059.780	1.504.721.564

24. Các khoản phải trả khác

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Phải trả tiền đặt cọc theo hợp đồng tư vấn đầu tư	818.276.531	14.381.344.531
<i>Phạm Thị Xuân Dung</i>	-	5.405.000.000
<i>Nguyễn Minh Hiệp</i>	-	2.800.000.000
<i>Phạm Thị Thùy Trang</i>	-	2.664.000.000
<i>Nguyễn Thị Ngọc Khuýn</i>	-	1.945.000.000
<i>Nguyễn Thị Thu</i>	818.276.531	817.344.531
<i>Phạm Dương Lâm</i>	-	750.000.000
Cổ tức phải trả cho công ty con	253.777.614	169.573.214
Các khoản phải trả khác	7.943.464	108.180.841
	1.079.997.609	14.659.098.586

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
 (Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
 ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

25. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	31/12/2016 và 1/1/2016			
	Được duyệt		Đã góp	
	VND	%	VND	%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	500.000.000.000	100%	500.000.000.000	100%

26. Doanh thu hoạt động

(a) Lãi từ bán các TSTC nắm giữ cho mục đích kinh doanh

2016					
	Số lượng bán	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết	232.790	160.979	37.474.385.000	8.145.930.000	29.328.455.000
2015					
	Số lượng bán	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết	61.580	31.459	1.937.246.000	989.468.220	947.777.780

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

(b) Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC nắm giữ cho mục đích kinh doanh

	2016	2015
	VND	VND
		Đã phân loại lại
Doanh thu tiền lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.547.825.707	319.344.444
Doanh thu cổ tức	1.249.692.720	1.869.728.650
	<hr/>	
	5.797.518.427	2.189.073.094
	<hr/> <hr/>	

(c) Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

	2016	2015
	VND	VND
		Đã phân loại lại
Doanh thu tiền lãi cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ	11.389.491	5.984.225.053
Doanh thu tiền lãi cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	1.883.510.114	6.120.403.918
	<hr/>	
	1.894.899.605	12.104.628.971
	<hr/> <hr/>	

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

27. Lỗ bán các TSTC nắm giữ cho mục đích kinh doanh

2016	Số lượng bán	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	20.487	39.000	798.993.000	1.050.500.000	251.507.000
2015	Số lượng bán	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	5.160.625	3.326	17.161.831.273	65.110.270.000	47.948.438.727

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

28. Doanh thu cổ tức, lãi tiền gửi

	2016	2015
	VND	VND
		Đã phân loại lại
Doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng	464.188.051	509.676.671
Doanh thu lãi tiền gửi Quỹ hỗ trợ thanh toán	540.684.555	447.046.677
Doanh thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư dài hạn khác	228.938.100	748.761.882
	<hr/> 1.233.810.706	<hr/> 1.705.485.230 <hr/>

29. Chi phí quản lý

	2016	2015
	VND	VND
		Đã phân loại lại
Chi phí lương và các khoản phúc lợi	5.295.094.908	5.292.361.502
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	652.833.000	576.212.642
Chi phí văn phòng phẩm	23.273.731	52.761.013
Chi phí công cụ, dụng cụ	16.976.000	109.436.746
Chi phí khấu hao tài sản cố định	101.062.700	956.389.477
Chi phí thuế, phí và lệ phí	31.685.397	7.000.000
Chi phí dự phòng	-	36.175.720.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.428.055.218	2.404.936.015
Chi phí khác	20.326.531	613.495.704
	<hr/> 8.569.307.485	<hr/> 46.188.313.099 <hr/>

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

30. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2016	2015
	VND	VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	10.820.097.961	(81.526.783.811)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.164.019.592	(17.935.892.438)
Chi phí không được khấu trừ thuế	949.900	76.549.440
Thu nhập không chịu thuế (cổ tức)	(295.726.164)	(576.067.917)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(590.814.695)	-
	1.278.428.633	(18.435.410.915)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	18.435.410.915
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(1.278.428.633)	-
	-	-

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Chênh lệch	Giá trị tính thuế	Chênh lệch	Giá trị tính thuế
	tạm thời	VND	tạm thời	VND
	VND	VND	VND	VND
Lỗ tính thuế	158.391.135.637	31.678.227.127	161.345.209.110	32.269.041.822

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

Lỗ tính thuế sẽ hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ	Số lỗ được khấu trừ
		VND 31/12/2016	VND 1/1/2016
2016	Chưa quyết toán	-	1.509.752.315
2017	Chưa quyết toán	35.280.021.801	36.724.342.959
2018	Chưa quyết toán	30.665.115.437	30.665.115.437
2019	Chưa quyết toán	39.373.392.667	39.373.392.667
2020	Chưa quyết toán	53.072.605.732	53.072.605.732
		158.391.135.637	161.345.209.110

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 (2015: 22%).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% cho năm 2016 (2015: 22%). Việc tính thuế thu nhập còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch trong năm	
	2016	2015
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á - Ngân hàng mẹ		
Lãi tiền gửi ngân hàng	98.717.108	58.504.473
Phí chuyển tiền	15.258.832	22.696.040
Tăng tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	2.166.536.638.863	4.259.565.742.777
Giảm tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	2.166.691.050.751	4.199.842.611.929
Gửi tiền vào tài khoản thanh toán của Công ty	1.144.642.295.440	1.896.917.868.231
Rút tiền gửi từ tài khoản thanh toán của Công ty	1.185.346.478.363	1.887.428.059.805
Công ty CP vàng bạc đá quý Phú Nhuận ("PNJ") – Cổ đông lớn của Ngân hàng mẹ		
Cổ tức trong năm	12.000	1.500
Ban Tổng Giám đốc		
Lương và các khoản phụ cấp	1.493.916.211	1.726.697.042
	<hr/>	
	Phải thu/(phải trả) tại	
	31/12/2016	1/1/2016
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á - Ngân hàng mẹ		
Tiền gửi của nhà đầu tư	40.969.831.381	73.476.964.610
Tiền gửi thanh toán của Công ty	2.345.570.885	10.697.032.467
Phải trả hộ cổ tức	1.001.525.833	1.018.072.821
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á – Công ty con		
Phải trả khác	(253.777.614)	(169.573.214)
Tiền gửi giao dịch chứng khoán	1.295.427.868	861.402.363
	<hr/>	

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

32. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 Công ty áp dụng Thông tư 334. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại và điều chỉnh lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 334 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại và điều chỉnh lại như sau:

(a) Báo cáo tình hình tài chính riêng (trước đây là bảng cân đối kế toán riêng)

	1/1/2016 VND (theo báo cáo trước đây)	Điều chỉnh VND	1/1/2016 VND (đã điều chỉnh lại)
Tiền	129.471.849.411	(120.646.800.113)	8.825.049.298
Các khoản phải trả khác	15.729.919.514	(1.070.820.928)	14.659.098.586
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	118.049.743.705	(116.826.355.004)	1.223.388.701
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.929.291.284	(2.929.291.284)	-
Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	-	179.667.103	179.667.103
Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính riêng			
Tiền gửi của khách hàng	-	120.646.800.113	120.646.800.113
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	-	117.717.508.829	117.717.508.829
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	-	2.929.291.284	2.929.291.284

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

(a) Báo cáo tình hình tài chính riêng (trước đây là bảng cân đối kế toán riêng) (tiếp theo)

	1/1/2016	1/1/2016
	VND	VND
	(đã phân loại	(theo báo cáo
	lại)	trước đây)
Đầu tư ngắn hạn	-	51.244.999.258
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(27.494.995.633)
Các TSTC nắm giữ cho mục đích kinh doanh	23.750.003.625	-
Phải thu khách hàng ngắn hạn	-	2.326.662.557
Phải thu các dịch vụ cung cấp	2.496.221.106	-
Các khoản phải thu	16.748.650.000	97.017.109.473
Các khoản phải thu khác	31.659.395.936	67.590.590
Các khoản cho vay	48.507.095.578	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(100.127.675.840)
Dự phòng suy giảm giá trị TSTC dài hạn	(100.127.675.840)	-

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động riêng (trước đây là báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng)

	2015 VND (đã phân loại lại)	2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	-	8.605.518.312
Doanh thu khác	-	13.726.801.753
Lãi bán các tài sản tài chính nắm giữ cho mục đích kinh doanh	947.777.780	
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ TSTC nắm giữ cho mục đích kinh doanh	2.189.073.094	-
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	12.104.628.971	-
Thu nhập hoạt động khác	346.104.990	-
Doanh thu cổ tức, lãi tiền gửi	1.705.485.230	-
Lãi bán các khoản đầu tư dài hạn khác	5.039.250.000	-
Chi phí hoạt động kinh doanh	-	(95.456.989.115)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	(42.495.404.909)
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC nắm giữ cho mục đích kinh doanh	10.202.698.843	-
Lỗ bán các TSTC nắm giữ cho mục đích kinh doanh	(47.948.438.727)	-
Chi phí hoạt động tự doanh	(697.878.401)	-
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	(13.493.561.078)	-
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	(5.988.921.360)	-
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	(1.803.854.220)	-
Chi phí khác	(562.125.082)	-
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(31.472.000.900)	-
Chi phí quản lý	(46.188.313.099)	-

Công ty TNHH Một thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài Chính)

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng

	2015 VND (đã phân loại lại)	2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	-	68.577.332.773
Tiền chi cho hoạt động kinh doanh	-	(10.723.085.081)
Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	-	257.341.977.065
Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	-	(272.423.255.602)
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	-	(3.062.729.760)
Tiền thu khác	-	14.381.363.883
Tiền chi khác	-	1.157.161.876
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	-	3.894.558.324
Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	(393.957.300)	-
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	19.099.077.273	-
Cổ tức đã nhận	1.869.728.650	-
Tiền lãi đã thu	12.933.650.086	-
Tiền chi trả tổ chức cung cấp dịch vụ	(5.275.124.323)	-
Tiền chi nộp thuế	(8.741.709.920)	-
Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các TSTC	(697.878.401)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	32.707.719.098	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(45.850.345.537)	-
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	748.761.882	-

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Bà Huỳnh Thị Thanh Trà
Kế toán tổng hợp

Người soát xét:





Ông Nguyễn Duy An
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Bà Trương Nguyễn Thiên Kim
Phó Tổng Giám đốc